

Số: 443/2019/BC-SHS

Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2019

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh Danh mục chứng khoán HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 04/2019 như sau:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	HNG	APC	AAA
2	ABT	HTT	CHP	ABT
3	ACC	DAG	CRC	ACC
4	ADS	SBV	DAH	ADS
5	ANV	VSH	ELC	ANV
6	APG	BCG	KDC	APC
7	ASM		KHP	APG
8	ASP		PVD	ASM
9	AST		RDP	ASP
10	BBC		SCD	AST
11	BCE		SCS	BBC
12	BCG		SMB	BCE
13	BFC		TMT	BFC
14	BIC		YBM	BIC
15	BID		YEG	BID
16	BMC		LMH	BMC
17	BMI			BMI
18	BMP			BMP
19	BRC			BRC
20	BSI			BSI
21	BTP			BTP
22	BTT			BTT
23	BVH			BVH



STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán đo ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
24	BWE			BWE
25	C32			C32
26	CAV			CAV
27	CDC			CDC
28	CEE			CEE
29	CII			CHP
30	CLC			CII
31	CLL			CLC
32	CMG			CLL
33	CNG			CMG
34	COM			CNG
35	CSM			COM
36	CSV			CRC
37	CTD			CSM
38	CTG			CSV
39	CTI			CTD
40	CTS			CTG
41	CVT			CTI
42	D2D			CTS
43	DAG			CVT
44	DBD			D2D
45	DCL			DAH
46	DCM			DBD
47	DGW			DCL
48	DHA			DCM
49	DHC			DGW
50	DHG			DHA
51	DHM			DHC
52	DIC			DHG
53	DIG			DHM
54	DLG			DIC
55	DMC			DIG
56	DPG			DLG
57	DPM			DMC
58	DPR			DPG
59	DQC			DPM
60	DRC			DPR
61	DRH			DQC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán đo ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ cuối tháng
62	DRL			DRC
63	DSN			DRH
64	DTA			DRL
65	DVP			DSN
66	DXG			DTA
67	EIB			DVP
68	EVE			DXG
69	EVG			EIB
70	FCM			ELC
71	FCN			EVE
72	FIT			EVG
73	FLC			FCM
74	FMC			FCN
75	FPT			FIT
76	FRT			FLC
77	FTM			FMC
78	FTS			FPT
79	GAS			FRT
80	GDT			FTM
81	GEX			FTS
82	GMC			GAS
83	GMD			GDT
84	GSP			GEX
85	GTN			GMC
86	HAH			GMD
87	HAP			GSP
88	HAR			GTN
89	HAX			HAH
90	HBC			HAP
91	HCD			HAR
92	HCM			HAX
93	HDB			HBC
94	HDC			HCD
95	HDG			HCM
96	HHS			HDB
97	HII			HDC
98	HNG			HDG
99	HPG			HHS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ cuối tháng
100	HPX			HII
101	HQC			HPG
102	HSG			HPX
103	HSL			HQC
104	HT1			HSG
105	HTI			HSL
106	HTL			HT1
107	HTT			HTI
108	HTV			HTL
109	HU3			HTV
110	IBC			HU3
111	IDI			IBC
112	IJC			IDI
113	IMP			IJC
114	ITA			IMP
115	ITC			ITA
116	ITD			ITC
117	KBC			ITD
118	KDH			KBC
119	KMR			KDC
120	KSB			KDH
121	L10			KHP
122	LBM			KMR
123	LCG			KSB
124	LDG			L10
125	LGC			LBM
126	LGL			LCG
127	LHG			LDG
128	LIX			LGC
129	LM8			LGL
130	MBB			LHG
131	MCP			LIX
132	MDG			LM8
133	MHC			LMH
134	MSN			MBB
135	MWG			MCP
136	NAF			MDG
137	NBB			MHC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
138	NKG			MSN
139	NLG			MWG
140	NNC			NAF
141	NSC			NBB
142	NT2			NKG
143	NTL			NLG
144	NVL			NNC
145	OPC			NSC
146	PAC			NT2
147	PAN			NTL
148	PC1			NVL
149	PDN			OPC
150	PDR			PAC
151	PET			PAN
152	PGC			PC1
153	PGD			PDN
154	PGI			PDR
155	PHR			PET
156	PJT			PGC
157	PLP			PGD
158	PLX			PGI
159	PME			PHR
160	PNJ			PJT
161	POM			PLP
162	PPC			PLX
163	PTB			PME
164	PVT			PNJ
165	QBS			POM
166	RAL			PPC
167	REE			PTB
168	ROS			PVD
169	S4A			PVT
170	SAB			QBS
171	SAM			RAL
172	SBA			RDP
173	SBT			REE
174	SBV			ROS
175	SC5			S4A

S11	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
176	SCR			SAB
177	SFC			SAM
178	SFG			SBA
179	SFI			SBT
180	SHA			SC5
181	SHI			SCD
182	SHP			SCR
183	SII			SCS
184	SJD			SFC
185	SJF			SFG
186	SJS			SFI
187	SKG			SHA
188	SMC			SHI
189	SPM			SHP
190	SRC			SII
191	SRF			SJD
192	SSC			SJF
193	SSI			SJS
194	ST8			SKG
195	STB			SMB
196	STG			SMC
197	STK			SPM
198	SVC			SRC
199	SVI			SRF
200	SZL			SSC
201	TAC			SSI
202	TBC			ST8
203	TCB			STB
204	TCD			STG
205	TCH			STK
206	TCL			SVC
207	TCM			SVI
208	TCO			SZL
209	TCT			TAC
210	TDC			TBC
211	TDG			TCB
212	TDH			TCD
213	TDW			TCH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
214	TEG			TCL
215	THG			TCM
216	THI			TCO
217	TIP			TCT
218	TLD			TDC
219	TLH			TDG
220	TMP			TDH
221	TMS			TDW
222	TNA			TEG
223	TNC			THG
224	TNI			THI
225	TPB			TIP
226	TPC			TLD
227	TRA			TLH
228	TRC			TMP
229	TTB			TMS
230	TVS			TMT
231	TVT			TNA
232	TYA			TNC
233	UIC			TNI
234	VAF			TPB
235	VCB			TPC
236	VCI			TRA
237	VDP			TRC
238	VDS			TTB
239	VFG			TVS
240	VHC			TVT
241	VHM			TYA
242	VIC			UIC
243	VIP			VAF
244	VJC			VCB
245	VMD			VCI
246	VND			VDP
247	VNE			VDS
248	VNL			VFG
249	VNM			VHC
250	VNS			VHM
251	VPB			VIC

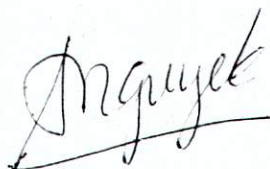
STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
252	VPH			VIP
253	VPI			VJC
254	VPS			VMD
255	VRC			VND
256	VRE			VNE
257	VSC			VNL
258	VSH			VNM
259	VSI			VNS
260	VTO			VPB
261				VPH
262				VPI
263				VPS
264				VRC
265				VRE
266				VSC
267				VSI
268				VTO
269				YBM
270				YEG

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 04/2019 là <http://www.shs.com.vn>.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Người lập



Đoàn Thị Ánh Nguyệt

Kiểm soát



Ngô Thế Hiền



Vũ Đức Tiên